

 GreenCert®	CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG NHẬN QUẢN LÝ VÀ CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM GREENCERT	Ký hiệu : HD.03.GC.09
		Lần ban hành: 03
	HƯỚNG DẪN ĐÁNH GIÁ CHỨNG NHẬN SẢN PHẨM TRỒNG TRỌT PHÙ HỢP TIÊU CHUẨN VIETGAP	Hiệu lực: 06/01/2021
		Số trang/Tổng: 1/15

BẢNG THEO DÕI SỬA ĐỔI

TT	Mục sửa đổi	Nội dung/mục sửa đổi	Lần sửa đổi	Ngày sửa đổi
1		Ban hành lần đầu	Lần đầu	22/6/2019
2	Toàn bộ	Viết mới hoàn toàn	Lần 2	10/9/2020
3	Toàn bộ	Giữ nguyên nội dung, cập nhật các biểu mẫu viện dẫn liên quan thủ tục có sửa đổi và ban hành lại lần 3	Lần 3	06/01/2021

	Biên soạn	Xem xét	Phê duyệt
Họ và tên	Hồ Thanh Phúc	Lê Thị Hồng Thao	Lê Văn Minh
Chức vụ	Trưởng phòng Kỹ thuật	QMR	Giám đốc
Chữ ký			

	CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG NHẬN QUẢN LÝ VÀ CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM GREENCERT	Ký hiệu : HD.03.GC.09
	HƯỚNG DẪN ĐÁNH GIÁ CHỨNG NHẬN SẢN PHẨM TRỒNG TRỌT PHÙ HỢP TIÊU CHUẨN VIETGAP	Lần ban hành: 03
		Hiệu lực: 06/01/2021
		Số trang/Tổng: 2/15

1. MỤC ĐÍCH

Hướng dẫn này quy định về trình tự thực hiện đánh giá chứng nhận sản phẩm trồng trọt được sản xuất/sơ chế phù hợp với quy Thực hành nông nghiệp tốt (VietGAP) của Công ty Cổ phần Chứng nhận Quản lý và Chất lượng sản phẩm GreenCert.

2. PHẠM VI ÁP DỤNG

Áp dụng đối với Công ty Cổ phần Chứng nhận Quản lý và Chất lượng sản phẩm GreenCert và các cơ sở có nhu cầu đăng ký chứng nhận VietGAP trồng trọt hoặc đã được chứng nhận VietGAP bởi Công ty.

3. TÀI LIỆU VIỆN DẪN

- Thông tư số 48/2012/TT-BNNPTNT ngày 26/9/2012 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quy định về chứng nhận sản phẩm trồng trọt, trồng trọt, chăn nuôi được sản xuất, sơ chế phù hợp với Quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt;
- TCVN 11892-1:2017 Thực hành nông nghiệp tốt (VietGAP). Phần 1. Trồng trọt.
- QCVN 01-28:2010/BNNPTNT Chè - Quy trình lấy mẫu phân tích chất lượng, ATVSTP.
- TCVN 9017:2011 Quả tươi - Phương pháp lấy mẫu trên vườn sản xuất;
- TCVN 9016:2011 Rau tươi phương pháp lấy mẫu trên ruộng sản xuất;
- QCVN 8-2:2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm.
- QCVN 8-3:2012/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với ô nhiễm vi sinh vật trong thực phẩm.
- QCVN 03-MT:2015/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về giới hạn cho phép của một số kim loại nặng trong đất.
- QCVN 08-MT:2015/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt.
- QCVN 02:2009/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sinh hoạt.
- QCVN 01-132:2013/BNNPTNT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với rau, quả, chè búp tươi đủ điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm trong quá trình sản xuất, sơ chế.



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG NHẬN QUẢN LÝ
VÀ CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM GREENCERT

**HƯỚNG DẪN ĐÁNH GIÁ CHỨNG NHẬN
SẢN PHẨM TRỒNG TRỌT PHÙ HỢP TIÊU
CHUẨN VIETGAP**

Ký hiệu : HD.03.GC.09

Lần ban hành: 03

Hiệu lực: 06/01/2021

Số trang/Tổng: 3/15

- Thông tư số 50/2016/TT-BYT Quy định giới hạn tối đa dư lượng thuốc bảo vệ thực vật trong thực phẩm.
- Thông tư liên tịch số 05/2016/TTLT-BNNPTNT-BTNMT ngày 16/5/2016 của Bộ Nông nghiệp và PTNT và Bộ Tài nguyên và Môi trường Hướng dẫn Việc thu gom, vận chuyển và xử lý bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng.
- GC.09 Hướng dẫn đánh giá chứng nhận sản phẩm.

4. ĐỊNH NGHĨA/ VIẾT TẮT

a. Thực hành nông nghiệp tốt trong trồng trọt (Good Agricultural Practices for crop production)

Gồm những yêu cầu trong sản xuất, sơ chế sản phẩm trồng trọt để: bảo đảm an toàn thực phẩm; chất lượng sản phẩm; sức khỏe và an toàn lao động đối với người sản xuất; bảo vệ môi trường và truy nguyên nguồn gốc sản phẩm.

b. Thực phẩm: Sản phẩm mà con người ăn, uống ở dạng tươi sống hoặc đã qua sơ chế, chế biến, bảo quản. Thực phẩm không bao gồm mỹ phẩm, thuốc lá và các chất sử dụng như dược phẩm.

c. Sản xuất: Gồm các hoạt động từ gieo trồng đến thu hoạch, sơ chế và đóng gói tại nơi sản xuất hoặc vận chuyển đến nơi sơ chế.

d. Sơ chế: Bao gồm hoạt động: loại bỏ những phần không sử dụng làm thực phẩm, phân loại, làm sạch, làm khô, đóng gói nhằm tạo ra thực phẩm tươi sống có thể ăn ngay hoặc tạo ra nguyên liệu thực phẩm hoặc bán thành phẩm cho khâu chế biến thực phẩm.

e. Cơ sở sản xuất: Tổ chức, cá nhân thực hiện hoạt động sản xuất hoặc sản xuất và sơ chế.

f. Cơ sở sản xuất nhiều thành viên hoặc nhiều địa điểm sản xuất: Cơ sở sản xuất có từ hai hộ hoặc hai thành viên hoặc hai địa điểm sản xuất trở lên áp dụng chung các quy định nội bộ để triển khai áp dụng thực hành nông nghiệp tốt trong trồng trọt.

g. Kiểm tra nội bộ: Quá trình kiểm tra để xác định mức độ thực hiện và duy trì sự phù hợp với VietGAP trong quá trình sản xuất, sơ chế, được lập thành văn bản, do cơ sở sản xuất tổ chức thực hiện.

h. Mối nguy: Tác nhân trong quá trình sản xuất, sơ chế thực phẩm có khả năng gây mất an toàn thực phẩm, gây hại cho sức khỏe con người, môi trường và làm giảm chất lượng sản phẩm.

i. Nguy cơ: Khả năng xảy ra và mức độ gây mất an toàn thực phẩm, gây hại cho sức khỏe con người, môi trường và chất lượng sản phẩm do một hay nhiều mối nguy gây nên.

	CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG NHẬN QUẢN LÝ VÀ CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM GREENCERT	Ký hiệu : HD.03.GC.09
	HƯỚNG DẪN ĐÁNH GIÁ CHỨNG NHẬN SẢN PHẨM TRỒNG TRỌT PHÙ HỢP TIÊU CHUẨN VIETGAP	Lần ban hành: 03
		Hiệu lực: 06/01/2021
		Số trang/Tổng: 4/15

j. Mẫu điển hình của sản phẩm: là mẫu đại diện cho một kiểu, loại cụ thể của sản phẩm được sản xuất/sơ chế theo cùng một quy định, trong cùng một điều kiện và sử dụng cùng một loại nguyên vật liệu

4.2. Chữ viết tắt

- QMR: Đại diện lãnh đạo về chất lượng;
- HDKP: Hành động khắc phục;
- (+): Đạt yêu cầu;
- (-): Không đạt yêu cầu;
- NC: Điểm không phù hợp;
- GreenCert: Công ty Cổ phần Chứng nhận Quản lý và Chất lượng sản phẩm

GreenCert

5. NỘI DUNG QUY TRÌNH

5.1. Lưu đồ đăng ký, đánh giá, chứng nhận VietGAP trồng trọt (*trang bên*):



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG NHẬN QUẢN LÝ
VÀ CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM GREENCERT

**HƯỚNG DẪN ĐÁNH GIÁ CHỨNG NHẬN
SẢN PHẨM TRỒNG TRỌT PHÙ HỢP TIÊU
CHUẨN VIETGAP**

Ký hiệu : HD.03.GC.09

Lần ban hành: 03

Hiệu lực: 06/01/2021

Số trang/Tổng: 5/15

Trách nhiệm	Tiến trình	Mô tả, biểu mẫu
Phòng Tổng hợp		BM.01.HD.01.GC.09 BM.02.HD.01.GC.09 BM.08.HD.01.GC.09
Phòng Tổng hợp, Phòng Kỹ thuật		BM.03.HD.01.GC.09
Phòng Tổng hợp		BM.04.HD.01.GC.09 BM.05.HD.01.GC.09
Phòng Kỹ thuật		BM.01.GC.09 BM.02.GC.09
Đoàn chuyên gia		Từ BM.03.GC.09 Đến BM.08.GC.09
Tổ thẩm xét được chỉ định		BM.01.GC.14 BM.02.GC.14
Giám đốc		BM.04.HD.03.GC.09
Đoàn chuyên gia		BM.16.GC.09

 GreenCert®	CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG NHẬN QUẢN LÝ VÀ CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM GREENCERT	Ký hiệu : HD.03.GC.09
		Lần ban hành: 03
	HƯỚNG DẪN ĐÁNH GIÁ CHỨNG NHẬN SẢN PHẨM TRỒNG TRỌT PHÙ HỢP TIÊU CHUẨN VIETGAP	Hiệu lực: 06/01/2021
		Số trang/Tổng: 6/15

5.2. Mô tả thực hiện quy trình

5.2.1. Đăng ký đánh giá

Cơ sở sản xuất có nhu cầu đăng ký đánh giá lần đầu, đánh giá lại, đánh giá mở rộng sản phẩm trồng trọt phù hợp tiêu chuẩn VietGAP – Thực hành nông nghiệp tốt (VietGAP) lập đơn đăng ký theo BM.01.GC.06a kèm theo các tài liệu có liên quan. Hồ sơ đăng ký gửi về GreenCert heo địa chỉ:

Công ty Cổ phần Chứng nhận Quản lý và Chất lượng sản phẩm GreenCert

Địa chỉ: 24 Phú Xuân 2, Phường Hòa Minh, quận Liên Chiểu, TP. Đà Nẵng

Điện thoại: 02366.505.868 – 0944.313936 E.mail: info@greencert.com.vn

Phòng Tổng hợp nhận hồ sơ đăng ký và ghi vào biểu mẫu Phiếu nhận hồ sơ đăng ký BM.07.GC.06.

Thành phần hồ sơ đăng ký VietGAP trồng trọt bao gồm:

TT	Tên hồ sơ	Ghi chú
1	Phiếu đăng ký chứng nhận VietGAP	<i>BM.01.GC.06a</i>
2	Hồ sơ pháp lý (quyết định thành lập, giấy đăng ký kinh doanh, thành lập THT...).	
3	Sơ đồ khu vực sản xuất	
4	Quy trình sản xuất	
5	Kết quả phân tích mẫu đất, nước (nếu có)	
6	Biên bản kiểm tra nội bộ	
7	Quy định nội bộ về phân công nhiệm vụ, tổ chức sản xuất, kiểm tra, giám sát VietGAP	Áp dụng đối với cơ sở có nhiều thành viên sản xuất hoặc nhiều địa điểm sản xuất.
8	Danh sách thành viên/địa điểm: Đối với mỗi thành viên ghi đầy đủ các thông tin: họ tên, địa chỉ, diện tích sản xuất	

Lưu ý: các hồ sơ có thể scan qua email nhưng phải kiểm chứng khi đánh giá.

	CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG NHẬN QUẢN LÝ VÀ CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM GREENCERT	Ký hiệu : HD.03.GC.09
	HƯỚNG DẪN ĐÁNH GIÁ CHỨNG NHẬN SẢN PHẨM TRỒNG TRỌT PHÙ HỢP TIÊU CHUẨN VIETGAP	Lần ban hành: 03
		Hiệu lực: 06/01/2021
		Số trang/Tổng: 7/15

5.2.2. Xem xét hồ sơ đăng ký

Sau khi nhận được hồ sơ đăng ký, trong vòng 03 (ba) ngày làm việc, **GreenCert** xem xét, xác nhận và thông báo cho cơ sở về tình trạng hồ sơ đăng ký, phạm vi đăng ký chứng nhận, hướng dẫn cho cơ sở sản xuất bổ sung những nội dung còn thiếu (nếu có). Phiếu xem xét hồ sơ kết đăng ký ghi theo biểu mẫu BM.03.GC.06 và trên cơ sở ngày công, số mẫu sẽ là căn cứ triển khai dự thảo hợp đồng chứng nhận.

5.2.3. Hợp đồng chứng nhận

- Dựa trên kết quả xem xét hồ sơ đăng ký chứng nhận, Tổng hợp chủ trì phối hợp với Phòng Kỹ thuật xác định số ngày công đánh giá, số mẫu để báo giá và dự thảo hợp đồng chứng nhận;

- **GreenCert** và cơ sở sản xuất kinh doanh thống nhất và ký kết hợp đồng chứng nhận theo BM.04.GC.06a.

5.2.4. Chuẩn bị đánh giá

- Căn cứ hợp đồng chứng nhận, danh sách chuyên gia đánh giá, Phòng Kỹ thuật tiến hành các văn bản gồm: Chương trình đánh giá theo BM.01.GC.09 và quyết định thành lập đoàn theo BM.02.GC.09 trình lãnh đạo phê duyệt (đoàn đánh giá được dự kiến trong mục 5.2.2)

- Văn bản thông báo chương trình đánh giá phải được gửi cho cơ sở và các thành viên của đoàn đánh giá ít nhất 02 (hai) ngày làm việc trước thời gian đánh giá chính thức tại cơ sở;

- Trưởng đoàn đánh giá chuẩn bị hoặc phân công cho thành viên đoàn đánh giá các tài liệu liên quan đến quá trình đánh giá bao gồm:

- + Căn cứ pháp lý, chuẩn mực đánh giá, tiêu chuẩn/quy chuẩn kỹ thuật liên quan;
- + Các thủ tục, biểu mẫu ghi chép trong quá trình đánh giá theo Hướng dẫn này và GC.09.

 GreenCert®	CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG NHẬN QUẢN LÝ VÀ CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM GREENCERT	Ký hiệu : HD.03.GC.09
	HƯỚNG DẪN ĐÁNH GIÁ CHỨNG NHẬN SẢN PHẨM TRỒNG TRỌT PHÙ HỢP TIÊU CHUẨN VIETGAP	Lần ban hành: 03
		Hiệu lực: 06/01/2021
		Số trang/Tổng: 8/15

5.2.5. Đánh giá

5.2.5.1. Phương thức đánh giá

Đánh giá chứng nhận phù hợp tiêu chuẩn Thực hành nông nghiệp tốt (VietGAP) được thực hiện theo Phương thức 6: đánh giá và giám sát hệ thống quản lý, tức đánh giá hệ thống quản lý để kết luận về sự phù hợp của hệ thống quản lý với quy định của tiêu chuẩn tương ứng.

5.2.5.2. Trình tự, nội dung đánh giá tại cơ sở

Hoạt động đánh giá do trưởng đoàn đánh giá điều hành bao gồm các bước sau:

Bước 1: Họp mở đầu

- Thành phần tham gia cuộc họp mở đầu bao gồm trưởng đoàn và các thành viên trong đoàn, đại diện lãnh đạo, các bộ phận liên quan của cơ sở/các thành viên đại diện trong nhóm sản xuất; Danh sách các thành viên tham gia cuộc họp mở đầu được điền đầy đủ thông tin và ký xác nhận danh sách người tham dự theo BM.03.GC.09.

- Trong cuộc họp trưởng đoàn đánh giá xác nhận mục đích cuộc đánh giá, chuẩn mực đánh giá, phương pháp đánh giá, yêu cầu của việc lấy mẫu và số lượng mẫu, phân tích mẫu, yêu cầu người dẫn đường cho đoàn đánh giá, yêu cầu cam kết bảo mật, an toàn của các chuyên gia cũng như các vấn đề khác có liên quan.

Bước 2: Tiến hành đánh giá

a) Đối với cơ sở sản xuất một thành viên: các nội dung đánh giá được thực hiện theo biểu mẫu BM.02.HD.03.GC.09, riêng chỉ tiêu 3.1.11 chỉ áp dụng với sản phẩm chè búp tươi; đối với yêu cầu trong sản xuất rau, quả tươi thuộc chỉ tiêu 3.1.10 cần lưu ý: Nước tưới rau ăn sống, quả ăn ngay phải đáp ứng được chỉ tiêu vi sinh vật (E.coli) theo quy định đối với chất lượng nước mặt; nước tưới nấm và rau mầm phải đáp ứng quy định chất lượng nước sinh hoạt. Ngoài ra, không cho phép sử dụng thuốc BVTV trong sản xuất nấm, các nội dung tiêu chí khác căn cứ tham chiếu theo yêu cầu của tiêu chuẩn TCVN 11892-1:2017.

b) Đối với cơ sở sản xuất nhiều thành viên/nhiều địa điểm có áp dụng QMS chung

b1. Cách tính số lượng thành viên/ nhiều địa điểm đại diện:

 GreenCert®	CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG NHẬN QUẢN LÝ VÀ CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM GREENCERT	Ký hiệu : HD.03.GC.09
		Lần ban hành: 03
	HƯỚNG DẪN ĐÁNH GIÁ CHỨNG NHẬN SẢN PHẨM TRỒNG TRỌT PHÙ HỢP TIÊU CHUẨN VIETGAP	Hiệu lực: 06/01/2021
		Số trang/Tổng: 9/15

Số lượng thành viên/địa điểm đại diện tối thiểu bằng căn bậc hai (đối với đánh giá lần đầu) hoặc tối thiểu bằng 2/3 của căn bậc hai (đối với đánh giá lại) hoặc tối thiểu $\frac{1}{2}$ của căn bậc hai (đối với đánh giá giám sát) của tổng số thành viên/ địa điểm trong nhóm.

b2. Các nội dung đánh giá:

Đối với cơ sở có nhiều thành viên/ nhiều địa điểm sản xuất, ngoài việc đánh giá quá trình sản xuất của các thành viên/ địa điểm đại diện theo các biểu mẫu tại nêu tại mục a) thì phải đánh giá thêm hệ thống quản lý chất lượng nội bộ theo Biểu mẫu BM.03.HD.03.GC.09.

Phương pháp đánh giá: xem xét hồ sơ, tài liệu; quan sát hiện trường, phỏng vấn đại diện cơ sở hoặc những người có liên quan.

Bước 3. Kết luận về sự phù hợp

Căn cứ báo cáo kết quả đánh giá, kết luận về sự phù hợp của quá trình sản xuất của cơ sở với các quy định của tiêu chuẩn TCVN 11892-1: 2017, Thực hành nông nghiệp tốt - Phần 1: Trồng trọt.

Bước 4. Lấy mẫu (nếu cần)

- Trưởng Đoàn đánh giá có thể phân công người lấy mẫu tại hiện trường trong các trường hợp sau:
 - + Theo kế hoạch lấy mẫu đã thống nhất với cơ sở;
 - + Nghi ngờ về mức độ tin cậy của kết quả phân tích mẫu;
 - + Kết quả phân tích mẫu không phù hợp;
 - + Cần thẩm tra lại quá trình sản xuất.
- Việc lấy mẫu phải do người lấy mẫu được chỉ định thực hiện, các thành viên trong đoàn có thể hỗ trợ nhưng người lấy mẫu phải chịu trách nhiệm chính;
- Phương pháp lấy mẫu, bảo quản và vận chuyển mẫu: theo qui định tại Hướng dẫn lấy mẫu và đánh giá hết quả mẫu thử nghiệm HD.02.GC.09, biên bản lấy mẫu được lập theo mẫu BM.05.GC.09 có sự xác nhận của đại diện cơ sở và người lấy mẫu.
- Chỉ định các chỉ tiêu phân tích căn cứ theo:
 - + Đánh giá nguy cơ gây mất ATTP và đánh giá thực tế tại cơ sở;

	CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG NHẬN QUẢN LÝ VÀ CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM GREENCERT	Ký hiệu : HD.03.GC.09
	HƯỚNG DẪN ĐÁNH GIÁ CHỨNG NHẬN SẢN PHẨM TRỒNG TRỌT PHÙ HỢP TIÊU CHUẨN VIETGAP	Lần ban hành: 03
		Hiệu lực: 06/01/2021
		Số trang/Tổng: 10/15

+ QCVN 8-1:2011/BYT; QCVN 8-2:2011/BYT; QCVN 8-3:2012/BYT; Thông tư 50/2016/TT-BYT ngày 30/12/2016,.....

- Chi phí phát sinh từ hoạt động lấy mẫu và phân tích mẫu do cơ sở chi trả;

Bước 5: Lập hồ sơ đánh giá

- Sau khi kết thúc đánh giá thực tế, trưởng đoàn đề nghị cơ sở bố trí phòng/khu vực riêng biệt để họp đoàn;

- Đoàn đánh giá tập hợp hồ sơ liên quan đến quá trình đánh giá để chuẩn bị họp kết thúc với cơ sở, yêu cầu hồ sơ bao gồm:

+ Báo cáo đánh giá thực hành nông nghiệp tốt theo BM.01.HD.03.GC.09;

+ Bảng kết quả đánh giá từng chỉ tiêu VietGAP theo BM.02.HD.03.GC.09;

+ Báo cáo đánh giá hệ thống quản lý chất lượng nội bộ theo BM.03.HD.03.GC.09 (nếu có);

+ Biên bản lấy mẫu theo BM.05.GC.09 (nếu có).

- Trong trường hợp chưa thống nhất được về kết luận đối với bất kỳ phát hiện nào trong quá trình đánh giá, các thành viên trong Đoàn có quyền được ghi nhận ý kiến nhưng khi thông báo với cơ sở thì ý kiến của trưởng Đoàn là quyết định

Bước 6: Họp kết thúc

- Thành phần tham gia cuộc họp kết thúc bao gồm trưởng đoàn và các thành viên trong đoàn, đại diện lãnh đạo, các bộ phận liên quan của cơ sở/các thành viên đại diện nhóm sản xuất. Danh sách tham gia cuộc họp kết thúc theo BM.03.GC.09.

- Đoàn đánh giá thông báo cho cơ sở về kết quả đánh giá, trình bày các phát hiện đánh giá, điểm lưu ý, ... để cùng trao đổi, thống nhất.

- Trưởng đoàn đánh giá và đại diện cơ sở sản xuất cùng ký vào báo cáo đánh giá VietGAP theo BM.01.HD.03.GC.09.

- Trường hợp kết quả đánh giá có điểm không phù hợp, đoàn đánh giá phải yêu cầu cơ sở thực hiện HĐKP theo BM.08.GC.09 và báo cáo kết quả HĐKP theo cùng các hồ sơ làm bằng chứng (nếu có) gửi về GreenCert để xem xét.

- Sau khi xem xét, nếu báo cáo hành động khắc phục và những bằng chứng liên quan của cơ sở chưa đủ độ tin cậy, Trưởng đoàn đánh giá có thể đề nghị thành lập

	CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG NHẬN QUẢN LÝ VÀ CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM GREENCERT	Ký hiệu : HD.03.GC.09
	HƯỚNG DẪN ĐÁNH GIÁ CHỨNG NHẬN SẢN PHẨM TRỒNG TRỌT PHÙ HỢP TIÊU CHUẨN VIETGAP	Lần ban hành: 03
		Hiệu lực: 06/01/2021
		Số trang/Tổng: 11/15

cuộc đánh giá khắc phục tại hiện trường (*nếu cần thiết*). Trình tự, thủ tục đánh giá hành động khắc phục tương tự đánh giá lần đầu, nội dung đánh giá tập trung vào các hành động khắc phục của cơ sở.

5.2.5.3. Đánh giá sự phù hợp của mẫu thử nghiệm (*nếu có*)

- Trong vòng 02 ngày làm việc kể từ khi có kết quả phân tích mẫu của phòng kiểm nghiệm đầu phụ, trưởng Đoàn đánh giá/chuyên gia đánh giá được phân công thực hiện đánh giá sự phù hợp của mẫu thử nghiệm theo BM.09.GC.09.

- Trong trường hợp kết quả thử nghiệm mẫu không đạt, GreenCert thông báo kết quả gửi cơ sở theo BM.15.GC.09, yêu cầu cơ sở điều tra nguyên nhân, biện pháp khắc phục và báo cáo kết quả thực hiện về GreenCert để thẩm tra, tiến hành lấy mẫu lần 2 đánh giá lại. Mẫu được lấy lần 2 là lần cuối cùng để xem xét kết luận sự phù hợp.

5.2.6. Thẩm xét hồ sơ đánh giá

Để đảm bảo tính khách quan, công bằng, GreenCert thực hiện thẩm xét toàn bộ hồ sơ quá trình đánh giá trước khi ra quyết định cấp/ duy trì/ mở rộng/ thu hẹp phạm vi/ cảnh cáo/ đình chỉ/ hủy bỏ Giấy chứng nhận;

Hoạt động thẩm xét hồ sơ được thực hiện theo hướng dẫn GC.14.

a. Thành viên thẩm xét: Trong từng cuộc đánh giá, Giám đốc sẽ chỉ định Tổ kỹ thuật thẩm xét hồ sơ chứng nhận. Thành viên trong tổ thẩm xét không được trùng với thành viên tham gia Đoàn đánh giá.

b. Nội dung thẩm xét:

- Xem xét sự phù hợp về trình tự, thủ tục đánh giá thực tế so với quy định;
- Xem xét sự phù hợp, tính khách quan của kết luận về sự không phù hợp và hành động khắc phục (*nếu có*);
- Kết quả đánh giá sự phù hợp của kết quả thử nghiệm mẫu theo BM.09.GC.09 (*nếu có*).

5.2.7. Quyết định cấp chứng nhận

- Đối với kết quả thẩm xét đánh giá quá trình sản xuất và kết quả đánh giá mẫu kiểm nghiệm (*nếu có*) của cơ sở sản xuất trong đánh giá lần đầu/ đánh giá lại/ đánh giá mở rộng là phù hợp, phòng Tổng hợp dự thảo quyết định cấp Giấy chứng nhận

	CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG NHẬN QUẢN LÝ VÀ CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM GREENCERT	Ký hiệu : HD.03.GC.09
	HƯỚNG DẪN ĐÁNH GIÁ CHỨNG NHẬN SẢN PHẨM TRỒNG TRỌT PHÙ HỢP TIÊU CHUẨN VIETGAP	Lần ban hành: 03
		Hiệu lực: 06/01/2021
		Số trang/Tổng: 12/15

theo BM.04.HD.03.GC.09 và văn bản ủy quyền sử dụng dấu hiệu chứng nhận VietGAP theo BM.01.QD.01 trình Giám đốc phê duyệt.

- Lưu ý trước khi chính thức trình giấy chứng nhận phải được xác nhận thông tin chứng chỉ theo quy định thẩm xét hồ sơ.

- Thời gian hiệu lực của Giấy chứng nhận tối đa không quá 03 (ba) năm kể từ ngày hiệu lực.

5.2.8. Đánh giá giám sát

- Đánh giá giám sát được thực hiện sau khi cơ sở được cấp Giấy chứng nhận VietGAP. Đánh giá giám sát có thể thực hiện định kỳ (báo trước) hoặc đột xuất (không báo trước).

- Kết quả đánh giá giám sát là căn cứ để GreenCert xem xét duy trì chứng nhận/ cảnh cáo/ đình chỉ/ hủy bỏ Giấy chứng nhận VietGAP.

a. Đánh giá giám sát định kỳ

- Trong thời gian hiệu lực của Giấy chứng nhận, định kỳ không quá 12 tháng 01 lần GreenCert sẽ thực hiện đánh giá giám sát định kỳ tại cơ sở.

- Nội dung các bước tiến hành đánh giá tại cơ sở được thực hiện tương tự như đánh giá lần đầu.

b. Đánh giá đột xuất: Đánh giá đột xuất được thực hiện trong các trường hợp sau:

+ Khi có khiếu nại về việc cơ sở sản xuất không tuân thủ theo VietGAP.

+ Khi phát hiện sản phẩm được chứng nhận theo VietGAP không đảm bảo chất lượng, an toàn thực phẩm.

+ Khi có yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước.

- Nội dung các bước tiến hành đánh giá tại cơ sở được thực hiện tương tự như đánh giá lần đầu.

5.2.9. Chứng nhận lại:

- Chứng nhận lại được thực hiện khi cơ sở sản xuất yêu cầu cấp lại Giấy chứng nhận VietGAP đã hết hiệu lực;

- 03 tháng trước khi hết hạn hiệu lực của giấy chứng nhận, GreenCert sẽ hướng dẫn cơ sở làm thủ tục đăng ký chứng nhận lại.

- Nội dung các bước tiến hành đánh giá lại tại cơ sở được thực hiện tương tự như đánh giá lần đầu.

	CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG NHẬN QUẢN LÝ VÀ CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM GREENCERT	Ký hiệu : HD.03.GC.09
	HƯỚNG DẪN ĐÁNH GIÁ CHỨNG NHẬN SẢN PHẨM TRỒNG TRỌT PHÙ HỢP TIÊU CHUẨN VIETGAP	Lần ban hành: 03
		Hiệu lực: 06/01/2021
		Số trang/Tổng: 13/15

6. Một số yêu cầu về duy trì/gia hạn /đình chỉ/hủy bỏ/ mở rộng/thu hẹp chứng nhận VietGAP:

6.1. Duy trì chứng nhận

- Kết quả đánh giá là căn cứ để GreenCert thực hiện duy trì chứng nhận;
- Trong trường hợp kết quả đánh giá giám sát đạt yêu cầu, phòng Tổng hợp dự thảo công văn duy trì hiệu lực Giấy chứng nhận trình lãnh đạo phê duyệt và gửi đến cơ sở theo BM.16.GC.09.

6.2. Gia hạn Giấy chứng nhận

- GreenCert thực hiện gia hạn Giấy chứng nhận trong thời gian tối đa 03 tháng đối với trường hợp cơ sở sản xuất được cấp Giấy chứng nhận nhưng không kịp đăng ký cấp lại sau khi hết hạn.
- Phòng Tổng hợp dự thảo quyết định gia hạn hiệu lực Giấy chứng nhận trình Giám đốc phê duyệt và gửi đến cơ sở theo BM.07.HD.03.GC.09.

6.3. Cảnh cáo

- Căn cứ kết quả đánh giá giám sát, kết quả kiểm tra thanh tra của cơ quan có thẩm quyền; nếu có phát hiện điểm không phù hợp theo yêu cầu của VietGAP với cơ sở, GreenCert gửi văn bản cảnh cáo, yêu cầu cơ sở thực hiện hành động khắc phục, gửi báo cáo khắc phục về GreenCert;
- Phòng Tổng hợp dự thảo công văn cảnh cáo trình Giám đốc phê duyệt và gửi đến cơ sở theo BM.08.HD.03.GC.09;
- Trường hợp vi phạm của cơ sở sản xuất do cơ quan kiểm tra, thanh tra phát hiện và yêu cầu xử lý thì GreenCert thông báo cho cơ quan kiểm tra, thanh tra về kết quả xử lý;
- Thời gian khắc phục và báo cáo của cơ sở bằng văn bản gửi về GreenCert không quá 3 tháng.

6.4. Đình chỉ chứng nhận

- Việc đình chỉ hiệu lực giấy chứng nhận và thời hạn để khắc phục điểm không phù hợp không quá 06 tháng (kể từ thời điểm đình chỉ có hiệu lực) được thực hiện trong các trường hợp sau đây:

	CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG NHẬN QUẢN LÝ VÀ CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM GREENCERT	Ký hiệu : HD.03.GC.09
	HƯỚNG DẪN ĐÁNH GIÁ CHỨNG NHẬN SẢN PHẨM TRỒNG TRỌT PHÙ HỢP TIÊU CHUẨN VIETGAP	Lần ban hành: 03
		Hiệu lực: 06/01/2021
		Số trang/Tổng: 14/15

a. Cơ sở sản xuất bị cảnh cáo nhưng không có hành động khắc phục đúng thời hạn;

b. Kết quả đánh giá giám sát, đánh giá đột xuất không đạt;

c. Cơ sở xin hoãn đánh giá giám sát 01 lần không có lý do phù hợp; từ chối đánh giá giám sát;

d. Hết thời hạn chuyển đổi từ chuẩn mực chứng nhận cũ sang chuẩn mực chứng nhận mới;

e. Đề nghị của cơ sở sản xuất.

- Phòng Tổng hợp dự thảo Quyết định đình chỉ hiệu lực chứng nhận trình Giám đốc phê duyệt theo BM.05.HD.03.GC.09

- Cơ sở bị đình chỉ chứng nhận sau khi hoàn thành việc thực hiện hành động khắc phục, vi phạm phải có văn bản báo cáo khắc phục gửi về GreenCert để xem xét.

6.5. Hủy bỏ giấy chứng nhận: Việc hủy bỏ giấy chứng nhận được thực hiện trong các trường hợp sau đây:

a. Cơ sở bị đình chỉ nhưng không thực hiện HĐKP đúng hạn;

b. Xin hoãn đánh giá giám sát 02 lần liên tiếp không có lý do phù hợp;

c. Sử dụng logo, giấy chứng nhận không đúng nội dung văn bản ủy quyền;

d. Đề nghị của cơ sở sản xuất.

- Phòng Tổng hợp dự thảo Quyết định hủy bỏ hiệu lực chứng nhận trình Giám đốc phê duyệt theo BM.06.HD.03.GC.09.

- Trong thời gian thực hiện các hành động khắc phục kể từ ngày quyết định hủy bỏ Giấy chứng nhận VietGAP có hiệu lực cơ sở sản xuất không được đăng ký chứng nhận VietGAP. Sau khi khắc phục xong muốn chứng nhận VietGAP thì phải đăng ký lại.

6.6. Mở rộng phạm vi chứng nhận

- Đánh giá mở rộng được thực hiện khi cơ sở sản xuất thay đổi phạm vi đã chứng nhận;

 GreenCert®	CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG NHẬN QUẢN LÝ VÀ CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM GREENCERT	Ký hiệu : HD.03.GC.09
		Lần ban hành: 03
	HƯỚNG DẪN ĐÁNH GIÁ CHỨNG NHẬN SẢN PHẨM TRỒNG TRỌT PHÙ HỢP TIÊU CHUẨN VIETGAP	Hiệu lực: 06/01/2021
		Số trang/Tổng: 15/15

- Kết quả đánh giá mở rộng là căn cứ để GreenCert xem xét cấp chứng nhận mở rộng phạm vi.

- Nội dung các bước tiến hành đánh giá mở rộng tại cơ sở được thực hiện tương tự như đánh giá lần đầu đối với phạm vi mở rộng;

- Căn cứ theo yêu cầu của cơ sở và kết quả đánh giá mở rộng, GreenCert sẽ xem xét để mở rộng vi phạm chứng nhận của cơ sở sản xuất.

6.7. Thu hẹp phạm vi chứng nhận

Căn cứ theo yêu cầu của cơ sở, GreenCert sẽ xem xét đánh giá để thu hẹp từng phần phạm vi chứng nhận của cơ sở sản xuất.

7. Biểu mẫu

STT	Tên biểu mẫu	Ký hiệu
1	Báo cáo đánh giá Thực hành nông nghiệp tốt (VietGAP)	BM.01.HD.03.GC.09
2	Bảng kết quả đánh giá VietGAP cơ sở sản xuất/ sơ chế sản phẩm trồng trọt	BM.02.HD.03.GC.09
3	Báo cáo đánh giá hệ thống quản lý chất lượng nội bộ	BM.03.HD.03.GC.09
4	Quyết định cấp giấy chứng nhận VietGAP và Phụ lục danh sách thành viên, địa điểm	BM.04.HD.03.GC.09
5	Quyết định đình chỉ hiệu lực giấy chứng nhận VietGAP	BM.05.HD.03.GC.09
6	Quyết định hủy bỏ giấy chứng nhận VietGAP	BM.06.HD.03.GC.09
7	Quyết định gia hạn hiệu lực giấy chứng nhận VietGAP	BM.07.HD.03.GC.09
8	Công văn cảnh báo cơ sở vi phạm quy định VietGAP	BM.08.HD.03.GC.09